

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STTTT-BCVTCNTT

Bình Phước, ngày tháng 6 năm 2024

V/v mời cung cấp Báo giá dịch vụ: Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản 3.0 (cập nhật 2.0)

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ trong và ngoài tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh về triển khai Công tác Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2024;

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 122/KH-UBND, ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh về Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số năm 2024, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước triển khai “Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản 3.0 (cập nhật 2.0)” theo hình thức thuê dịch vụ.

Để có cơ sở xác định giá dịch vụ nêu trên, Sở Thông tin và Truyền thông kính đề nghị các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm cung cấp dịch vụ “Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản 3.0 (cập nhật 2.0)” (Chi tiết theo mô tả tại phụ lục I đính kèm) trong và ngoài tỉnh Bình Phước, gửi báo giá dịch vụ về Sở Thông tin và Truyền thông; địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Email: [stttt@binhphuoc.gov.vn](mailto:stttt@binhphuoc.gov.vn). Báo giá đề nghị gửi về Sở trước ngày 20/6/2024 (Theo mẫu tại Phụ lục II đính kèm).

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước trân trọng đề nghị và rất mong nhận được sự hợp tác của các Quý đơn vị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở (b/c);
- Trung tâm CNTT&TT;
- Ban biên tập đăng Cổng TTĐT Sở;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

## **Phụ lục I**

### **Mô tả dịch vụ cần báo giá**

#### **Đề cương Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản 3.0 (cập nhật 2.0)”**

## **I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

### **1. Mục đích xây dựng Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước phiên bản 3.0**

Xây dựng và ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước (*sau đây gọi tắt là Kiến trúc*) phiên bản 3.0 dựa trên việc nâng cấp, cập nhật tài liệu Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước, phiên bản 2.0 (*đã được ban hành theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước*) trên cơ sở phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 3.0 của Chính phủ và hiện trạng phát triển Chính quyền điện tử tại tỉnh Bình Phước.

### **2. Phạm vi áp dụng**

#### **2.1. Phạm vi áp dụng**

#### **2.2. Mục đích của tài liệu**

Kiến trúc phiên bản 3.0 làm rõ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước phiên bản 2.0. Từ đó, thuyết minh: Đề xuất nâng cấp nội dung các thành phần của Kiến trúc phiên bản 2.0; Đề xuất lộ trình và các nhiệm vụ cụ thể cần thực hiện để thúc đẩy quá trình xây dựng, triển khai CQĐT tại tỉnh Bình Phước đáp ứng được yêu cầu và nội dung của Kiến trúc phiên bản 3.0.

## **II. TẦM NHÌN KIẾN TRÚC**

*Xác định mục tiêu, vai trò dài hạn của kiến trúc trong phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số.*

## **III. NGUYÊN TẮC KIẾN TRÚC**

*Cập nhật, xác định các nguyên tắc kiến trúc áp dụng trong quá trình xây dựng, triển khai áp dụng kiến trúc, bảo đảm phù hợp với việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số.*

## **IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

*Trình bày nội dung phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của địa phương có định hướng áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu của kế hoạch.*

## **V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, HƯỚNG TỚI CHÍNH QUYỀN SỐ**

*Trình bày nội dung phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số để nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm phù hợp với kế hoạch phát triển của địa phương trình bày tại mục IV.*

## **VI. KIẾN TRÚC HIỆN TẠI**

Khảo sát, đánh giá tình hình triển khai Kiến trúc phiên bản 2.0, hiện trạng phát triển Chính quyền điện tử tại tỉnh Bình Phước để làm cơ sở cập nhật, nâng cấp Kiến trúc lên phiên bản 3.0 đảm bảo sự phù hợp thực tế phát triển của Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước và Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0. Cụ thể cần cập nhật, bổ sung các nội dung như sau:

### **1. Kiến trúc nghiệp vụ**

*Bao gồm các nội dung sau:*

- 1.1. Sơ đồ tổng quát nghiệp vụ theo các miền nghiệp vụ*
- 1.2. Phân tích, xác định danh mục, quy trình xử lý nghiệp vụ hiện có*
- 1.3. Phân tích, đánh giá yêu cầu, nhu cầu đổi mới, liên thông quy trình nghiệp vụ*
- 1.4. Khác (nếu có)*

### **2. Kiến trúc ứng dụng**

*Bao gồm các nội dung sau:*

- 2.1. Hiện trạng các ứng dụng đang sử dụng*
- 2.2. Phân tích, đánh giá kết quả triển khai Kiến trúc ứng dụng trong Kiến trúc CQĐT cấp tỉnh, phiên bản 2.0*
- 2.3. Mô tả nhu cầu phát triển hoặc nâng cấp các thành phần ứng dụng (nếu có).*

### 3. Kiến trúc dữ liệu

Bao gồm các nội dung:

- 3.1. Hiện trạng các cơ sở dữ liệu
- 3.2. Hiện trạng kết nối, chia sẻ dữ liệu
- 3.3. Phân tích, đánh giá kết quả triển khai Kiến trúc dữ liệu trong Kiến trúc CQĐT cấp tỉnh, phiên bản 2.0
- 3.4. Mô tả nhu cầu về xây dựng các cơ sở dữ liệu hoặc kết nối, chia sẻ dữ liệu (nếu có)
- 3.5. Khác (nếu có)

### 4. Kiến trúc công nghệ

Bao gồm các nội dung sau:

- 4.1. Hiện trạng hạ tầng mạng
- 4.2. Hiện trạng hạ tầng vận hành Trung tâm dữ liệu/Phòng máy chủ
- 4.3. Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu/Phòng máy chủ
- 4.4. Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị (các đơn vị thuộc phạm vi tác động của kiến trúc)
- 4.5. Phân tích, đánh giá kết quả triển khai Kiến trúc công nghệ trong Kiến trúc CQĐT cấp tỉnh, phiên bản 2.0
- 4.6. Mô tả nhu cầu về phát triển, áp dụng xu hướng công nghệ mới
- 4.7. Khác (nếu có)

### 5. Kiến trúc an toàn thông tin

Bao gồm các nội dung sau:

- 5.1. Hiện trạng bảo đảm an toàn thông tin
- 5.2. Kết quả triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin
- 5.3. Phân tích, đánh giá kết quả triển khai Kiến trúc An toàn thông tin trong Kiến trúc CQĐT cấp tỉnh, phiên bản 2.0
- 5.4. Mô tả nhu cầu về áp dụng, triển khai các nội dung mới về an toàn thông tin
- 5.5. Khác (nếu có)

### 6. Ưu điểm, hạn chế

Phân tích, đánh giá tổng quát, toàn diện, nêu rõ điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước sau khi triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước phiên bản 2.0.

## VII. KIẾN TRÚC MỤC TIÊU

### 1. Sơ đồ tổng quát Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số

Cập nhật, bổ sung sơ đồ tổng quát Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Sơ đồ khái quát Chính phủ điện tử Việt Nam tại Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

### 2. Mô tả các thành phần trong Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước phiên bản 3.0

#### Nội dung nâng cấp cần thực hiện:

Nâng cấp Kiến trúc nghiệp vụ, Kiến trúc ứng dụng, Kiến trúc dữ liệu trong Khung Kiến trúc phiên bản 2.0 trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước để phục vụ các tác nghiệp chuyên ngành, tác nghiệp hành chính nội bộ, tác nghiệp giao tiếp điện tử và cung cấp các dịch vụ hành chính công cho công dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng thông qua các dịch vụ công trực tuyến; đảm bảo xác định được các ứng dụng, cơ sở dữ liệu dùng chung cũng như mối quan hệ/khả năng/giải pháp tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống ứng dụng của tỉnh và giữa các hệ thống của tỉnh với các hệ thống thông tin do Bộ, ngành Trung ương cung cấp.

Nâng cấp, hoàn thiện, tối ưu hóa mô hình Kiến trúc công nghệ để phục vụ triển khai các hệ thống thông tin của tỉnh trên cơ sở phân tích, đánh giá đề xuất các giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trên thế giới hiện nay, có tính toán đến việc sử dụng các công nghệ mới của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Nâng cấp Kiến trúc an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trên cơ sở đánh giá, đề xuất cấp độ bảo mật cho các hệ thống thông tin của tỉnh theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ và Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/08/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ và các văn bản khác có liên quan. Sau đó, đề xuất giải pháp, lộ trình cho việc phát triển, xây dựng các hệ thống đảm bảo an toàn an ninh thông tin theo cấp độ.

#### Nội dung nâng cấp cần trình bày:

##### 1. Kiến trúc nghiệp vụ

- 1.1 Nguyên tắc nghiệp vụ
- 1.2. Sơ đồ tổ chức các cơ quan nhà nước

- 1.3. Danh mục nghiệp vụ
- 1.4. Kế hoạch hoạt động nghiệp vụ
- 1.5. Sơ đồ quy trình nghiệp vụ
- 1.6. Sơ đồ liên thông nghiệp vụ

## **2. Kiến trúc dữ liệu**

- 2.1 Nguyên tắc dữ liệu
- 2.2. Mô hình dữ liệu

## **3. Kiến trúc ứng dụng**

- 3.1. Nguyên tắc ứng dụng
- 3.2. Sơ đồ ứng dụng tổng thể
- 3.3. Mô tả các ứng dụng, dịch vụ
- 3.4. Sơ đồ tích hợp ứng dụng
- 3.5. Các yêu cầu về đảm bảo chất lượng
- 3.6. Các yêu cầu về duy trì hệ thống ứng dụng

## **4. Kiến trúc công nghệ**

- 4.1. Nguyên tắc công nghệ
- 4.2. Hạ tầng mạng
- 4.3. Hạ tầng Trung tâm dữ liệu/Phòng máy chủ
- 4.4. Hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cán bộ, công chức, viên chức
- 4.5. Danh mục các tiêu chuẩn kỹ thuật
- 4.6. Xu hướng công nghệ

## **5. Kiến trúc an toàn thông tin mạng, an ninh mạng**

- 5.1. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng
- 5.2. Mô tả các phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng
  - 5.2.1. Mô hình tổng thể
  - 5.2.2. Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng (nếu có)
  - 5.2.3. Phương án quản lý an toàn thông tin mạng, an ninh mạng (nếu có)
  - 5.2.4. Phương án dự phòng thảm họa
  - 5.2.5. Phương án giám sát liên tục công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng (nếu có)
  - 5.2.6. Phương án đánh giá, duy trì công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng (nếu có)
  - 5.2.7. Khác (nếu có)

## **VIII. PHÂN TÍCH KHOẢNG CÁCH**

*Phân tích khoảng cách về nghiệp vụ, dữ liệu, ứng dụng, công nghệ; an toàn thông tin mạng, an ninh mạng giữa hiện tại và tương lai và đề xuất giải pháp để đạt mục tiêu*

## **IX. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH BÌNH PHƯỚC PHIÊN BẢN 3.0**

### **Nội dung nâng cấp cần thực hiện :**

Phân tích, đề xuất cập nhật danh sách các chương trình/ nhiệm vụ/dự án cần thực hiện cho phù hợp với hiện trạng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước và Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Bình Phước phiên bản 3.0 đồng thời đưa ra các giải pháp để triển khai, duy trì Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước phiên bản 3.0 được khả thi, hiệu quả.

Phân tích, đánh giá tác động của yếu tố con người trong việc triển khai thành công chính quyền điện tử. Từ đó, đề xuất tiêu chuẩn về trình độ nhân sự công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước để phục vụ phát triển của chính quyền điện tử tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

### **Nội dung nâng cấp cần trình bày:**

- 1. Danh sách các nhiệm vụ
- 2. Lộ trình triển khai các nhiệm vụ
- 3. Giải pháp quản trị kiến trúc
- 4. Giải pháp về nguồn nhân lực
- 5. Giải pháp về cơ chế, chính sách
- 6. Giải pháp về tài chính

## **X. PHỤ LỤC**

## **XI. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KHẢO SÁT**

#### **1) Danh sách các đơn vị khảo sát trực tiếp**

STT	Tên đơn vị	Số ngày dự kiến
1	Văn phòng UBND Tỉnh	0,5
2	Văn phòng HĐND tỉnh	0,5
3	Sở Nội vụ	0,5
4	Sở Tư Pháp	0,5
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,5
6	Sở Tài chính	0,5
7	Sở Công thương	0,5
8	Sở Nông nghiệp Và Phát triển nông thôn	0,5
9	Sở Giao thông vận tải	0,5
10	Sở Xây dựng	0,5
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5
12	Thanh tra Tỉnh	0,5
13	Sở Thông tin Và Truyền thông	2
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0,5
15	Sở Khoa học và Công nghệ	0,5
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	0,5
17	Sở Y tế	0,5
18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	0,5
19	Sở Ngoại vụ	0,5
20	Ban Dân tộc	0,5
21	Ban Quản lý Khu Kinh tế	0,5
22	TP Đồng Xoài	0,5

**2) Danh sách các đơn vị khảo sát gián tiếp (Qua PKS)**

STT	Tên đơn vị
1	Thị xã Phước Long
2	Thị xã Bình Long
3	Thị xã Chơn Thành
4	Huyện Đồng Phú
5	Huyện Bù Đăng
6	Huyện Bù Đốp
7	Huyện Bù Gia Mập
8	Huyện Lộc Ninh
9	Huyện Hớn Quản
10	Huyện Phú Riềng
11	111 xã, phường, thị trấn

**Phụ lục II****Mẫu báo giá dịch vụ**

Tên Công ty/Doanh nghiệp.....

**BÁO GIÁ CUNG CẤP DỊCH VỤ****Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản 3.0 (cập nhật 2.0)”**

1. Số lượng nhân sự đề xuất thực hiện dịch vụ:
2. Số lượng ngày công thực hiện dịch vụ tối thiểu
3. Đơn giá ngày công:
4. Chi phí khác:

**DỰ TOÁN CHI PHÍ****Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản 3.0 (cập nhật 2.0)”****1. Bảng 1. Bảng tổng hợp chi phí**

STT	Hạng mục	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
1	Chi phí khảo sát	Bảng 2				Dự toán chi tiết
2	Chi phí lập Kiến trúc	Bảng 3				Dự toán chi tiết
	<b>TỔNG CỘNG</b>					
	<b>TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)</b>					

## 2. Bảng 2. Dự toán chi tiết chi phí khảo sát

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Diễn giải	Giá trị (Đồng)	Căn cứ tính
<b>I</b>	<b>Chi phí chuyên gia trực tiếp</b>	<b>Ccg</b>	<b>Ccg1+Ccg2+Ccg3</b>		
1	Khảo sát thực tế	Ccg1			
	<i>Chi phí khảo sát tại Sở TTTT</i>	<i>Ccg1.1</i>			
	<i>Chi phí khảo sát tại 20 điểm khác</i>	<i>Ccg1.2</i>			
2	Lập Đề cương nhiệm vụ khảo sát (phương án điều tra, khảo sát) và các mẫu phiếu khảo sát	Ccg2			
3	Phân tích, đánh giá số liệu điều tra, khảo sát và lập Báo cáo kết quả khảo sát	Ccg3			
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý</b>	<b>Cql</b>	<b>55%xCcg</b>		
<b>III</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Ck</b>	<b>Ck1+Ck2+Ck3+Ck4</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<b>TN</b>	<b>6%*(Ccg+Cql+Ck)</b>		
	<b>Tổng cộng trước thuế</b>	<b>G</b>	<b>Ccg+Cql+Ck+TN</b>		
<b>V</b>	<b>Thuế giá trị gia tăng</b>	<b>VAT</b>	<b>8%*(Ccg+Cql+Ck+TN)</b>		
	<b>Tổng cộng chi phí sau thuế</b>		<b>G+VAT</b>		

## 3. Bảng 3. Dự toán chi tiết chi phí lập Kiến trúc

STT	Nội dung công việc	Ngày công chuyên gia				Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4		
	<b>Chi phí chuyên gia (CG)</b>						
	<i>Tổng số ngày</i>						
	<i>Số tuần dự kiến</i>						
	<i>Số ngày lễ</i>						
1	<b>Lập Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử phiên bản 3.0 theo công văn số 474/CĐSQG-CPS ngày 5/4/2024</b>						
	<b>I. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI ÁP DỤNG</b> <i>Bao gồm các công việc: 1. Mục đích; 2. Phạm vi áp dụng</i>						
	<b>II. TẦM NHÌN KIẾN TRÚC</b>						
	<b>III. NGUYÊN TẮC KIẾN TRÚC</b>						
	<b>IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA ĐỊA PHƯƠNG</b>						
	<b>V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, HƯỚNG TỚI CHÍNH QUYỀN SỐ</b>						
	<b>VI. KIẾN TRÚC HIỆN TẠI</b>						
	<b>1. Kiến trúc nghiệp vụ</b> <i>Bao gồm các công việc: 1.1. Sơ đồ tổng quát nghiệp vụ theo các miền nghiệp vụ; 1.2. Phân tích, xác định danh mục, quy trình xử lý nghiệp vụ hiện có; 1.3. Phân tích, đánh giá yêu cầu, nhu cầu đổi mới, liên thông quy trình nghiệp vụ; 1.4. Khác (nếu có)</i>						
	<b>2. Kiến trúc ứng dụng</b> <i>Bao gồm các công việc: 2.1. Hiện trạng các ứng dụng đang sử dụng; 2.2. Phân tích, đánh giá kết quả triển khai Kiến trúc ứng dụng trong Kiến trúc CQĐT cấp tỉnh, phiên bản 2.0; 2.3. Mô tả nhu cầu phát triển hoặc nâng cấp các thành phần ứng dụng (nếu có)</i>						
	<b>3. Kiến trúc dữ liệu</b> <i>Bao gồm các công việc: 3.1. Hiện trạng các cơ sở dữ liệu; 3.2.</i>						



STT	Nội dung công việc	Ngày công chuyên gia				Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4		
	<i>Hiện trạng kết nối, chia sẻ dữ liệu; 3.3. Phân tích, đánh giá kết quả triển khai Kiến trúc dữ liệu trong Kiến trúc CQĐT cấp tỉnh, phiên bản 2.0; 3.4. Mô tả nhu cầu về xây dựng các cơ sở dữ liệu hoặc kết nối, chia sẻ dữ liệu (nếu có); 3.5. Khác (nếu có)</i>						
	<b>4. Kiến trúc công nghệ</b> <i>Bao gồm các công việc: 4.1. Hiện trạng hạ tầng mạng; 4.2. Hiện trạng hạ tầng vận hành Trung tâm dữ liệu/Phòng máy chủ 4.3. Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu/Phòng máy chủ; 4.4. Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị; 4.5. Phân tích, đánh giá kết quả triển khai Kiến trúc công nghệ trong Kiến trúc CQĐT cấp tỉnh, phiên bản 2.0; 4.6. Mô tả nhu cầu về phát triển, áp dụng xu hướng công nghệ mới; 4.7. Khác (nếu có)</i>						
	<b>5. Kiến trúc an toàn thông tin</b> <i>Bao gồm các công việc: 5.1. Hiện trạng bảo đảm an toàn thông tin; 5.2. Kết quả triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin; 5.3. Phân tích, đánh giá kết quả triển khai Kiến trúc An toàn thông tin trong Kiến trúc CQĐT cấp tỉnh, phiên bản 2.0; 5.4. Mô tả nhu cầu về áp dụng, triển khai các nội dung mới về an toàn thông tin; 5.5. Khác (nếu có)</i>						
	<b>6. Ưu điểm, hạn chế</b>						
	<b>VII. KIẾN TRÚC MỤC TIÊU</b>						
	<b>1. Sơ đồ tổng quát Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số</b>						
	<b>2. Kiến trúc nghiệp vụ</b> <i>Bao gồm các công việc: 2.1. Nguyên tắc nghiệp vụ; 2.2. Sơ đồ tổ chức các cơ quan nhà nước; 2.3. Danh mục nghiệp vụ; 2.4. Kế hoạch hoạt động nghiệp vụ; 2.5. Sơ đồ quy trình nghiệp vụ; 2.6. Sơ đồ liên thông nghiệp vụ</i>						

STT	Nội dung công việc	Ngày công chuyên gia				Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4		
	<b>3. Kiến trúc dữ liệu</b> <i>Bao gồm các công việc: 3.1 Nguyên tắc dữ liệu; 3.2. Mô hình dữ liệu</i>						
	<b>4. Kiến trúc ứng dụng</b> <i>Bao gồm các công việc: 4.1. Nguyên tắc ứng dụng; 4.2. Sơ đồ ứng dụng tổng thể; 4.3. Mô tả các ứng dụng, dịch vụ; 4.4. Sơ đồ tích hợp ứng dụng; 4.5. Các yêu cầu về đảm bảo chất lượng; 4.6. Các yêu cầu về duy trì hệ thống ứng dụng</i>						
	<b>5. Kiến trúc công nghệ</b> <i>Bao gồm các công việc sau: 5.1. Nguyên tắc công nghệ; 5.2. Hạ tầng mạng; 5.3. Hạ tầng Trung tâm dữ liệu/Phòng máy chủ; 5.4. Hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cán bộ, công chức, viên chức; 5.5. Danh mục các tiêu chuẩn kỹ thuật; 5.6. Xu hướng công nghệ</i>						
	<b>6. Kiến trúc an toàn thông tin mạng, an ninh mạng</b> <i>Bao gồm các công việc sau: 6.1. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; 6.2. Mô tả các phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; 6.2.1. Mô hình tổng thể; 6.2.2. Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng (nếu có); 6.2.3. Phương án quản lý an toàn thông tin mạng, an ninh mạng (nếu có); 6.2.4. Phương án dự phòng thảm họa; 6.2.5. Phương án giám sát liên tục công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng (nếu có); 6.2.6. Phương án đánh giá, duy trì công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng (nếu có); 6.2.7. Khác (nếu có)</i>						
	<b>VIII. PHÂN TÍCH KHOẢNG CÁCH</b>						
	<b>IX. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI</b> <i>Bao gồm các công việc sau: 1. Danh sách các nhiệm vụ; 2. Lộ trình triển khai các nhiệm vụ; 3. Giải pháp quản trị kiến trúc 4. Giải pháp về nguồn nhân lực; 5. Giải pháp về cơ chế, chính</i>						

STT	Nội dung công việc	Ngày công chuyên gia				Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4		
	<i>sách; 6. Giải pháp về tài chính</i>						
	<b>X. PHỤ LỤC (nếu có)</b>						
2	<b>Tổng hợp các kết quả, xây dựng tài liệu Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử phiên bản 3.0</b>						
V	<b>Chi phí quản lý (55% của CG) (QL)</b>						
VI	<b>Chi phí khác (K) (văn phòng phẩm, nghiệm thu kết quả, chi phí khác)</b>						
	Văn phòng phẩm						
VII	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước (TN) 6% của (CG+QL+K)</b>						
VIII	<b>Tổng trước VAT</b>						
IX	<b>VAT: 8% của (CG+QL+K +TN)</b>						
X	<b>Tổng cộng</b>						
	<b>Làm tròn số</b>						